

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 155/2024/HS-PT
Ngày: 28-11-2024

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Các Thẩm phán: Ông Lê Hùng Cường

Bà Huỳnh Thị Phụng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 159/2024/TLPT-HS ngày 25 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Bùi Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2024/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- **Bị cáo có kháng cáo:** **Bùi Văn T**, (tên gọi khác: Tầu); sinh năm: 1978. Giới tính: nam; Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Bùi Quang H; Mẹ: Dương Thị T1; Vợ: Dương Thị Đ; không có con; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 05/9/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xử phạt số tiền 5.000.000đ về tội Đánh bạc. Bị cáo được tại ngoại điều tra. Có mặt.

- **Bị cáo không có kháng cáo:**

1. **Đỗ Minh S**, (tên gọi khác: T2); sinh năm: 1978. Giới tính: nam; Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An;

2. **Nguyễn Quốc Đ1**, (tên gọi khác: Queo); sinh năm: 1984. Giới tính: nam; Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An;

3. **Huỳnh Văn H1**, (tên gọi khác: không); sinh năm: 1978. Giới tính: nam; Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở hiện nay: ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Long An;

- Những người tham gia tổ tụng khác không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không triệu tập: Lê Phú C, Nguyễn Văn T3, Châu Thị Ngọc H2, Lê Hồng D, Hồ Thanh T4, Võ Thanh H3, Lê Văn D1, Phạm Thị N.

- Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Văn B, Phạm Văn C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 08/01/2024, Nguyễn Quốc Đ1 gặp Lê Phú C và thuê nhà kho của C tại Ấp A, xã M, huyện T để làm địa điểm tổ chức lắc bầu cua ăn thua bằng tiền trái phép. Đ1 thỏa thuận với C nếu Đ1 thắng bảo tức là mở ra 03 con giống nhau hoặc cuối buổi chơi mà Đ1 thắng thì sẽ trả tiền huê hồng cho C, C đồng ý. Đến 14 giờ 45 phút cùng ngày thì bắt đầu chơi, Đ1 sử dụng 03 hột bầu cua in hình biểu tượng bầu, cua, nai, tôm, cá, gà; 01 tấm bầu cua in hình biểu tượng giống hột bầu cua; 01 nắp cân; 1/2 thùng nhựa có quần keo đen bên ngoài để lắc bầu cua và 4.700.000đ làm vốn đánh bạc. Tiền cược mỗi ván từ 50.000đ đến 300.000đ, các con bạc đặt tiền cược ở 01 đến 02 hình có trong tấm bầu cua, nếu mở 03 hột bầu cua ra có hình đã đặt cược thì con bạc thắng và ngược lại thì Đ1 thắng. Đ1 thuê Huỳnh Văn H1 phụ quan sát, kiểm tra các con bạc đặt cược tiền để tránh gian lận, Đ1 sẽ trả tiền công cho H1, H1 đồng ý. Người chơi đánh bạc gồm Nguyễn Văn T3 sử dụng 2.300.000đ; Bùi Văn T sử dụng 1.000.000đ; Đỗ Minh S sử dụng 400.000đ; Lê Hồng D sử dụng 600.000đ; Châu Thị Ngọc H2 sử dụng 2.200.000đ; Phạm Thị N sử dụng 1.000.000đ; Võ Thanh H3 sử dụng 200.000đ; Hồ Thanh T4 sử dụng 1.700.000đ; Lê Văn D1 sử dụng 700.000đ làm vốn đánh bạc. Các con bạc chơi liên tục thắng thua qua lại đến khoảng 15 giờ 30 cùng ngày, lực lượng Công an huyện T đến kiểm tra phát hiện, tiến hành lập biên bản vụ việc, tạm giữ tang vật có liên quan. Kết quả: Đ1 thắng 4.200.000đ, Đ1 trả tiền công cho H2 300.000đ, để trên chiếu bạc 700.000đ; T3 thua 100.000đ còn lại 2.200.000đ; T thua 700.000đ còn lại 300.000đ; Sang thua 200.000đ còn lại 200.000đ; D thua 200.000đ còn lại 400.000đ; Ngọc H2 thua 1.100.000đ còn lại 1.100.000đ; Nương thua 1.000.000đ; H3 thua 200.000đ; T4 thua 400.000đ còn lại 1.300.000đ; Dứt thua 300.000đ còn lại 400.000đ.

Trong lúc Đ1 cùng những người khác chơi đánh bạc thì C nằm vờng phía trước nhà kho, không thực hiện nhiệm vụ canh gác công an mà bị cáo chỉ nằm bấm điện thoại để chờ đưa rước học sinh đi học. C còn khai nhận từ đầu tháng

01/2024, C đã cho nhiều người không rõ nhân thân thuê nhà kho của gia đình tại Ấp A, xã M, huyện T để làm địa điểm tổ chức đánh bạc ăn thua bằng tiền trái phép và đã nhận tiền huê hồng 1.700.000đ. Ngoài ra, Trong lúc Đ1 cùng những người khác chơi đánh bạc có Phạm Minh C2 đến để xem lác bầu cua.

Tại Cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 31/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa truy tố bị cáo Lê Phú C về tội “Gá bạc” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; các bị cáo: Nguyễn Quốc Đ1, Huỳnh Văn H1, Nguyễn Văn T3, Lê Văn D1, Hồ Thanh T4, Lê Hồng D, Phạm Thị N, Châu Thị Ngọc H2, Võ Thanh H3, Đỗ Minh S, Bùi Văn T về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2024/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo: Lê Phú C phạm tội “Gá bạc”; các bị cáo: Nguyễn Quốc Đ1, Huỳnh Văn H1, Nguyễn Văn T3, Lê Văn D1, Hồ Thanh T4, Lê Hồng D, Phạm Thị N, Châu Thị Ngọc H2, Võ Thanh H3, Đỗ Minh S, Bùi Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 322; Điều 38; Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Lê Phú C** (tên gọi khác: H) 01 (một) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Quốc Đ1** (tên gọi khác: Q) 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 10/9/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Quốc Đ1 về Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Quốc Đ1 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi năm 2017.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Bùi Văn T** (tên gọi

khác: T5) 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 35; Điều 50, Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt:

1. Bị cáo **Đỗ Minh S** 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);
2. Bị cáo **Nguyễn Văn T3** 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng);
3. Bị cáo **Châu Thị Ngọc H2** 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng);
4. Bị cáo **Hồ Thanh T4** 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng);
5. Bị cáo **Lê Văn D1** 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);
6. Bị cáo **Lê Hồng D** 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);
7. Bị cáo **Huỳnh Văn H4** (hai mươi triệu đồng);

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 35; Điều 50, Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt:

1. Bị cáo **Phạm Thị N** 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);
2. Bị cáo **Võ Thanh H3** 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về các biện pháp tư pháp, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, bị cáo Bùi Văn T kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Văn T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” là đúng, không oan. Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức và thủ tục kháng cáo của bị cáo Bùi Văn T trong thời gian luật định, những yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Bùi Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, do đó cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo Bùi Văn T kháng cáo xin hưởng án treo và dù không nộp bổ sung tài liệu chứng cứ nào khác nhưng về nhân thân bị cáo phạm tội đánh bạc từ năm 2012 và đã được xóa án tích. Lạm phạm tội này của bị cáo chiếu bạc được xác định là 14.800.000đ, bị cáo T tham gia 1.000.000đ nên phạm tội theo quy định

tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự là tội phạm ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo T đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo). Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo T để tạo sự công bằng đối với các bị cáo khác trong cùng vụ án đã được cấp sơ thẩm xử phạt tiền.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e, khoản 1, Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn T, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt. Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Bùi Văn T kháng cáo trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 340 và 344 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Ngày 08/01/2024, Lê Phú C cho Nguyễn Quốc Đ1 thuê nhà kho do C đang quản lý làm địa điểm đánh bạc dưới hình thức lắc bầu cua ăn thua bằng tiền trái phép, Đ1 thỏa thuận với C nếu Đ1 thắng bầu tức là mở ra 03 con giống nhau hoặc cuối buổi chơi mà Đ1 thắng thì sẽ trả tiền huê hồng cho C. Ngoài ra trước đó C đã cho nhiều người không rõ nhân thân thuê nhà kho để làm địa điểm tổ chức đánh bạc ăn thua bằng tiền trái phép và đã nhận tiền huê hồng 1.700.000đ. Ngày 08/01/2024 Đ1 là người làm cái và thuê Huỳnh Văn H5 phụ quan sát, kiểm tra các con bạc tham gia đặt tiền cược. Đ1 tổ chức lắc bầu cua cho Đỗ Minh S, Nguyễn Văn T3, Bùi Văn T, Châu Thị Ngọc H2, Võ Thanh H3, Lê Văn D1, Hồ Thanh T4, Lê Hồng D, Phạm Thị N đặt cược ăn thua bằng tiền trái phép với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 14.800.000đ.

Hành vi trên của bị cáo Bùi Văn T đã cấu thành tội “Đánh bạc” thuộc trường hợp định khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, bản án sơ thẩm đã tuyên xử phạt bị cáo Bùi Văn T tội “Đánh bạc” là có căn cứ.

[3] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Bùi Văn T như sau: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo: Về điều kiện hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, về nhân thân bị cáo phạm tội đánh bạc từ năm 2012 và đã được xóa án tích. Lần phạm tội này của bị cáo T tham gia đánh bạc trên chiếu bạc được xác định là 14.800.000đ, bị cáo T tham gia 1.000.000đ nên phạm tội theo quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự là tội phạm ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo T đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo). Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo T để tạo sự công bằng đối với các bị cáo khác tham gia đánh bạc với số tiền nhiều hơn bị cáo T, có nhân thân như bị cáo T trong cùng vụ án đã được cấp sơ thẩm cho hưởng án treo (bị cáo Nguyễn Quốc Đ1) và xử phạt tiền (Huỳnh Văn H1, Đỗ Minh S).

[6] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e, khoản 1, Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn T, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt để cho bị cáo T được hưởng án treo.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Bùi Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 355; điểm e, khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2024/HS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, về hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn T.

2. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 28/11/2024.

Giao bị cáo Bùi Văn T về Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Long An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Bùi Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- CQĐT Công an huyện Thủ Thừa;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh